

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 12/01/2018.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Dá.

Ông Nguyễn Thành Dân.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị,
tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2017/TLST-HNGĐ
ngày 10 tháng 10 năm 2017; về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/12/2017, giữa các
đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn PL, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Bị đơn:*** Ông Ngô L (Ngô T), sinh năm 1972 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn PL, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2017, quá trình giải quyết và tại phiên tòa,
nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và ông Ngô T (Ngô L) là vợ, chồng
đăng ký kết hôn vào ngày 15/01/1996, tại UBND thị trấn PL nhưng trong thời
gian chung sống không hợp nhau và đã ly thân vài năm. Vợ, chồng có hai người*

con chung là Ngô Thị Đ, sinh năm 1996 và Ngô Thị N, sinh ngày 18/6/2007, con lớn đã lập gia đình và sống riêng, còn bé Nghi đang sống chung với tôi. Sau khi suy nghĩ, tôi khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, được nuôi con Ngô Thị N và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu giải quyết.

Tại tòa tôi giữ yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T (L) và nuôi N, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn ông Ngô T (Ngô L) vắng mặt nhưng quá trình giải quyết, Tòa án ghi được ý kiến trình bày của ông (bl 25, 35, 36) như sau: Ngô T và Ngô L đều là tên của tôi, về mối quan hệ hôn nhân như vợ tôi trình bày nhưng việc tách ra sống riêng chỉ mới khoảng 01 năm nay do bản thân làm ăn thất bại bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống. Mặc dù sống riêng nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn về nhà và sinh hoạt vợ, chồng bình thường nên đối với yêu cầu ly hôn của vợ, tôi mong muốn được hòa giải hàn gắn. Vợ, chồng có căn nhà nằm trên phần đất của cha, mẹ vợ cho và nhà hiện do bà T quản lý, sử dụng việc có yêu cầu giải quyết không tôi cần suy nghĩ lại, con chung cũng vậy nếu có yêu cầu sẽ nộp đơn cho Tòa án và cung cấp chứng cứ sau.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, đảm bảo đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tại tòa.

- Về nội dung: Giữa bà Trúc và ông L (T) kết hôn, đã được UBND thị trấn PL, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng cấp chứng nhận kết hôn ngày 15/01/1996 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết, ông L (T) không đồng ý ly hôn nhưng thực tế hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn và hai bên có thời gian ly thân, quá trình giải quyết hai bên không tìm được tiếng nói chung, không có cơ hội đoàn tụ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông L (T), đồng thời chịu tiền án phí theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 18/6/2007 có nguyện vọng sống chung với mẹ, nguyện vọng này phù hợp yêu cầu của bà T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện ly hôn với ông Ngô L (Ngô T) có nơi cư trú Ấp A, thị trấn PL, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập hợp lệ, bị đơn ký nhận (bl 58) nhưng cả hai lần mở phiên tòa đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn và Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thấy đề nghị của nguyên đơn và Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận và quyết định tiếp tục xét xử vụ án theo quy định

[2] *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn.

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Nguyên đơn T và bị đơn T (L) kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn PL, huyện T T, tỉnh Sóc Trăng cấp chứng nhận kết hôn ngày 15/01/1996 nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa, bà T kiên quyết ly hôn và không đồng ý đoàn tụ do có nhiều bất đồng về quan điểm sống, trước khi nộp đơn kiện thì trước đó bà đã khởi kiện một lần và được sự hòa giải của Tòa, bà rút đơn khởi kiện cho ông T cơ hội thay đổi nhưng thực tế không hàn gắn được và giữa vợ, chồng đã có thời gian sống ly thân vài năm. Phía ông T không đồng ý ly hôn, trình bày giữa vợ chồng không mâu thuẫn và mong muốn của ông là được đoàn tụ lo cho con. Căn cứ trình bày của hai bên và thực tế giải quyết thì thấy: Khi Tòa tổ chức hòa giải, ông T không có sự kiên nhẫn tháo gỡ vướng mắc và bỏ về đã cho thấy giữa vợ, chồng không còn hiểu và thông cảm cho nhau. Việc bị đơn không đồng ý ly hôn, không phải còn sự yêu thương đối với bà T mà lý do chính xuất phát từ tâm lý không muốn thay đổi và đây không phải là sự hòa thuận, yêu thương và chia sẻ cho nhau giữa vợ chồng, yêu cầu ly hôn với ông T lần này là sự lập lại và tại phiên tòa bà T vẫn cương quyết ly hôn nên Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ giữa bà T và ông T không thể hàn gắn được. Vì vậy, xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Bà T yêu cầu nuôi con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 18/6/2007 và N có nguyện vọng sống chung với mẹ (bl 27) nên cần chấp nhận yêu cầu của bà T là đảm bảo nguyện vọng của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Ông T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của đương sự, do đó Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông T.

[2.3] Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản, các bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí*: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô L (Ngô T).

- *Về con chung*: Giao con chung tên Ngô Thị N, sinh ngày 18/6/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô L (Ngô T) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

- *Tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trúc đã nộp theo biên lai thu số 0006066 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy

Ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn PL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Thị Thanh Mai